

Số: /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng 02 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố 02 quy trình liên thông và danh mục 02 thành phần hồ sơ phải số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*

*Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*

*Căn cứ Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 15/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;*

*Căn cứ Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 26/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung Điều 4 Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 15/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này:

1. Quy trình liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực trồng trọt thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang: 02 quy trình.

*(có Phụ lục I kèm theo).*

2. Danh mục 02 thành phần hồ sơ phải số hóa của 02 thủ tục hành chính lĩnh vực Trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

*(có Phụ lục II kèm theo).*

**Điều 2.** Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cụ thể sau:

**1.** Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

1.1. Công khai Quyết định này trên Trang thông tin điện tử của đơn vị và Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ. **Thời gian hoàn thành trong 02 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành.**

1.2. Hoàn thiện quy trình điện tử đối với quy trình nêu tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh theo quy định. **Thời gian hoàn thành trong 05 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành.**

1.3. Thực hiện cấu hình bắt buộc Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa và kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Tuyên Quang. **Thời gian hoàn thành trong 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định.**

1.4. Sử dụng biểu mẫu điện tử tương tác (e-Form); số hóa, tái sử dụng thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

## **2. Sở Thông tin và Truyền thông:**

2.1. Đảm bảo về kỹ thuật trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh và chỉ đạo Viễn thông Tuyên Quang cử cán bộ kỹ thuật thường xuyên hỗ trợ các cơ quan, đơn vị trong quá trình triển khai, thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định này.

2.2. Kịp thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh những vướng mắc hoặc đề xuất giải pháp khắc phục, nâng cao tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình; tái sử dụng thông tin, dữ liệu thủ tục hành chính (nếu có).

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4:** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng Ban, ngành và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### ***Nơi nhận:***

- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC); (báo cáo)
- Bộ NN&PTNT; (báo cáo)
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4; (thực hiện)
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Bưu điện tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Viễn thông Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh; (đăng tải)
- Công báo tỉnh; (đăng tải)
- Phòng Kinh tế-VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, THCBKS(Tr).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thế Giang**

**PHỤ LỤC I**

**02 QUY TRÌNH LIÊN THÔNG TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH TUYÊN QUANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

*Quy trình liên thông số 01/TTr*

**QUY TRÌNH LIÊN THÔNG TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC CẤP KINH PHÍ HỖ TRỢ ĐỐI VỚI NỘI DUNG HỖ TRỢ SAU ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG**

<b>Thứ tự các bước thực hiện (Tổng bước)</b>	<b>Nội dung các bước thực hiện</b>	<b>Bộ phận giải quyết</b>	<b>Thời gian thực hiện các bước (Tổng số ngày/ giờ thực hiện)</b>	<b>Thời gian thực hiện tại từng cơ quan</b>	<b>Cơ quan thực hiện</b>
Bước 1	Tiếp nhận và kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; tiếp nhận hồ sơ và quét (scan), đóng dấu điện tử, viết phiếu hẹn trả kết quả và chuyển đến bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	02 giờ làm việc	03 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Bước 2	Tiếp nhận kiểm tra và thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, gửi văn bản tới tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan tổng hợp, nghiệm thu các nội dung, hạng mục của Dự án theo khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 2 Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 15/12/2020, lập Tờ trình gửi Sở Tài chính thẩm định.	Phòng Kỹ thuật, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	02 ngày làm việc		
Bước 3	Ký duyệt Tờ trình gửi Sở Tài chính thẩm định.	Lãnh đạo Sở	06 giờ làm việc		

<b>Thứ tự các bước thực hiện</b> (Tổng bước)	<b>Nội dung các bước thực hiện</b>	<b>Bộ phận giải quyết</b>	<b>Thời gian thực hiện các bước</b> (Tổng số ngày/ giờ thực hiện)	<b>Thời gian thực hiện tại từng cơ quan</b>	<b>Cơ quan thực hiện</b>
Bước 4	Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt kinh phí hỗ trợ thực hiện Dự án sản xuất nông nghiệp hữu cơ cho tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện.	Sở Tài chính	02 ngày làm việc	02 ngày làm việc	Sở Tài chính
Bước 5	- Xem xét phê duyệt kinh phí hỗ trợ thực hiện Dự án sản xuất nông nghiệp hữu cơ cho tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện. - Chuyển kết quả TTHC đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	UBND tỉnh	02 ngày làm việc	02 ngày làm việc	UBND tỉnh
Bước 6	Xác nhận kết quả trên phần mềm một cửa điện tử; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	Không tính thời gian		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
<b>06 bước</b>			<b>07 ngày làm việc</b>	<b>07 ngày làm việc</b>	

**QUY TRÌNH LIÊN THÔNG TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC CẤP KINH PHÍ HỖ TRỢ ĐỐI VỚI NỘI DUNG HỖ TRỢ  
LÃI SUẤT VỐN VAY THỰC HIỆN DỰ ÁN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG**

<b>Thứ tự các bước thực hiện (Tổng bước)</b>	<b>Nội dung các bước thực hiện</b>	<b>Bộ phận giải quyết</b>	<b>Thời gian thực hiện các bước (Tổng số ngày/ giờ thực hiện)</b>	<b>Thời gian thực hiện tại từng cơ quan</b>	<b>Cơ quan thực hiện</b>
Bước 1	Tiếp nhận và kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; tiếp nhận hồ sơ và quét (scan), đóng dấu điện tử, viết phiếu hẹn trả kết quả và chuyển đến bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	02 giờ làm việc	03 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Bước 2	Tiếp nhận kiểm tra và thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, gửi văn bản tới chủ Dự án và nêu rõ lý do - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan tổng hợp, nghiệm thu các nội dung, hạng mục của Dự án theo khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 06/2020/NQHĐND ngày 15/12/2020, lập Tờ trình gửi Sở Tài chính thẩm định	Phòng Kỹ thuật, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	02 ngày làm việc		
Bước 3	Ký duyệt Tờ trình gửi Sở Tài chính thẩm định.	Lãnh đạo Sở	06 giờ làm việc		
Bước 4	Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt cấp kinh phí hỗ trợ lãi suất vốn vay cho chủ Dự án	Sở Tài chính	02 ngày làm việc		

Thứ tự các bước thực hiện (Tổng bước)	Nội dung các bước thực hiện	Bộ phận giải quyết	Thời gian thực hiện các bước (Tổng số ngày/ giờ thực hiện)	Thời gian thực hiện tại từng cơ quan	Cơ quan thực hiện
Bước 5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xem xét phê duyệt cấp kinh phí hỗ trợ lãi suất vốn vay cho chủ Dự án.</li> <li>- Chuyển kết quả TTHC đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.</li> </ul>	UBND tỉnh	02 ngày làm việc	02 ngày làm việc	UBND tỉnh
Bước 6	Xác nhận kết quả trên phần mềm một cửa điện tử; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	Không tính thời gian		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
<b>06 bước</b>			<b>07 ngày làm việc</b>	<b>07 ngày làm việc</b>	

**PHỤ LỤC II**  
**DANH MỤC 02 THÀNH PHẦN HỒ SƠ PHẢI SỐ HOÁ THEO QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ SỐ 01/2023/TT-VPCP**  
**CỦA 02 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP**  
**VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH TUYÊN QUANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

<b>STT</b>	<b>Tên lĩnh vực/TTHC/Thành phần hồ sơ</b>
1	Cấp kinh phí hỗ trợ sau đầu tư thực hiện Dự án sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang
-	Văn bản đề nghị nghiệm thu, cấp kinh phí hỗ trợ đối với nội dung hỗ trợ sau đầu tư thực hiện Dự án sản xuất nông nghiệp hữu cơ theo Phụ lục I kèm theo Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 26/12/2024.
2	Cấp kinh phí hỗ trợ lãi suất vốn vay thực hiện Dự án sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang
-	Văn bản đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ lãi suất vay vốn thực hiện Dự án sản xuất nông nghiệp hữu cơ thực hiện Dự án sản xuất nông nghiệp hữu cơ theo Phụ lục II kèm theo Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 26/12/2024.